

QUYẾT ĐỊNH

về việc thành lập Chi bộ Yên Thượng trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Quy định số 20-QĐ/TW ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Hướng dẫn số 03-HD/BTCTW ngày 20/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về sắp xếp, thành lập tổ chức đảng ở thôn, tổ dân phố;
- Căn cứ Quy chế làm việc số 11-QC/ĐU ngày 09/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Yên Thịnh, nhiệm kỳ 2025 – 2030 (sửa đổi bổ sung);
- Căn cứ Quy định số 07-QĐ/ĐU ngày 23/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Đề án số 08-ĐA/ĐU ngày 23/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Yên Thịnh về sắp xếp, thành lập các chi bộ sau sắp xếp, tổ chức lại thôn trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh;
- Xét đề nghị của Ban Xây dựng Đảng,

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Chi bộ Yên Thượng trực thuộc Đảng bộ xã Yên Thịnh trên cơ sở hợp nhất Chi bộ Tân Minh 3, Chi bộ Nà Đô (*trước sắp xếp*) từ ngày 01/7/2026, gồm 60 đảng viên (*Có danh sách kèm theo*).

Nhiệm kỳ của Chi bộ là nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Chi bộ Yên Thượng thực hiện theo Quy định của Điều lệ Đảng và các quy định hiện hành.

Điều 3. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Chi bộ Yên Thượng; các cấp ủy, đảng viên; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (báo cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã;
- Các chi bộ trực thuộc Đảng ủy;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ

Hoàng Văn Lăng

DANH SÁCH

Đảng viên Chi bộ Yên Thượng, xã Yên Thịnh

(Kèm theo Quyết định số 202 -QĐ/ĐU ngày 29 /6 /2026 của Đảng ủy xã Yên Thịnh)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
1	Nông Văn Hùng	08/08/1961	25/06/2006	25/06/2007	
2	Nguyễn Kim Phụng	06/08/1985	26/03/2018	26/03/2019	
3	Đinh Thị Ảnh	14/01/1967	08/11/2001	08/11/2002	
4	Nguyễn Thị Tuyền	20/05/1986	20/08/2019	20/08/2020	
5	Ma Văn Chuyên(Cao)	11/10/1963	09/09/2000	09/09/2001	
6	Ma Đình Hoàn(Lương)	28/03/1965	15/09/2009	15/09/2010	
7	Triệu Thị Nhung	02/03/1969	03/02/2013	03/02/2014	
8	Nông Văn kiệm	25/01/1974	17/10/2003	17/10/2004	
9	Hoàng Thị Như	26/11/1941	16/08/1962	17/10/1963	
10	Hà Thị Thuận	06/06/1937	24/11/1961	24/11/1962	
11	Ma Đình Hải	03/09/1947	03/01/1974	03/01/1975	
12	Ma Văn Khải	06/12/1945	26/03/1969	26/12/1969	
13	Nông Thị Lê	22/12/1943	19/05/1971	19/02/1972	
14	Hoàng Thị Tâm	01/06/1934	19/12/1961	19/12/1962	
15	Ma Trung Trịnh	26/07/1977	20/06/1998	20/06/1999	
16	Ma Văn Hưng(Giao)	12/11/1965	01/01/2001	01/01/2002	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
17	Ngôn Thị Hòa	23/10/1958	24/06/1996	24/06/1997	
18	Hà Thị Nhân	07/12/1958	13/08/2001	13/08/2002	
19	Ma Thị Mân	10/04/1971	20/11/2015	20/11/2016	
20	Hà Thị Lệ Trân	25/08/1961	28/12/2001	28/12/2002	
21	Hoàng Thị Thái	01/01/1962	03/02/1997	03/02/1998	
22	Ma Văn Thúc	05/01/1980	18/12/2003	18/12/2004	
23	Phùng Minh Hải Linh	28/03/1995	09/07/2023	09/07/2024	
24	Ma Ngọc Trái	01/01/1990	09/12/2023	09/12/2024	
25	Ma Đình Thuận	08/09/1983	09/12/2023	09/12/2024	
26	Nông Văn Nguyễn	06/09/1964	07/11/2009	07/11/2010	
27	Hoàng Văn Tàn(Tùng)	01/01/1990	19/08/2010	19/08/2011	
28	Hoàng Thị Hành	30/07/1983	03/02/2018	03/02/2019	
29	Ma Duy Long	22/04/2004	09/10/2024	09/10/2025	
30	Nông Đức Huân	24/11/1991	12/05/2022	12/05/2023	
31	Nông Thị Kim Liên	21/11/2001	08/12/2025		
32	Ma Văn Kiềm	17/05/1965	19/12/2001	19/12/2001	
33	Ma Ngọc Nhân (Hiền)	29/10/1959	08/11/2001	08/11/2002	
34	Ma Văn Cương	15/08/1963	01/07/2014	01/07/2015	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
35	Ma Thị Công	10/10/1979	09/12/2016	09/12/2017	
36	Nguyễn Thị Hải	11/08/1957	07/12/2009	07/12/2010	
37	Nông Văn Thao	20/10/1963	24/10/1984	24/04/1986	
38	Ma Văn Thường	01/05/1940	16/12/1967	16/09/1968	
39	Lục Văn Hân	06/10/1949	26/02/1983	26/02/1984	
40	Ma Thị Hiếu	29/11/1977	20/06/1998	20/06/1999	
41	Ma Văn Sầm (Lý)	25/05/1953	20/06/1998	20/06/1999	
42	Nguyễn Văn Ương	01/01/1958	20/06/1998	20/06/1999	
43	Ma Văn Khâm	21/01/1961	07/04/2001	07/04/2002	
44	Đồng Thị Diêm	04/09/1984	09/12/2016	09/12/2017	
45	Ma Thị Toán	24/04/1970	20/08/2008	20/08/2009	
46	Nông Thị Oanh	10/07/1969	25/06/2008	25/06/2009	
47	Văn Thị Duyệt	15/10/1975	26/02/2018	26/02/2019	
48	Giá Thị Phương	23/06/1948	05/06/1968	05/06/1969	
49	Ma Đình Tông	21/12/1947	17/12/1968	17/12/1969	
50	Ma Ngọc Bình	07/02/1960	04/08/1982	04/08/1983	
51	Hoàng Văn Hưng	09/04/1979	20/02/2012	20/02/2013	
52	Hoàng Trung Hải	27/11/1975	01/07/2014	01/07/2015	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngày vào Đảng	Ngày chính thức	Ghi chú
53	Ma Thị Kim Quyến	02/03/1973	23/12/2019	23/12/2020	
54	Ma Thị Luyện	19/09/1968	07/11/2016	07/11/2017	
55	Nông Văn Nóm	30/06/1968	25/06/2006	25/06/2007	
56	Nông Văn Diu	07/04/1998	06/11/2020	06/11/2021	
57	Nông Thị Bạch Yến	17/02/1982	25/03/2024	25/03/2025	
58	Mã Thị Ngọc	17/01/1989	25/03/2024	25/03/2025	
59	Nông Thị Luyện	03/11/1990	16/05/2025	16/05/2026	
60	Ma Thị Nụ	12/05/1998	16/05/2025	16/05/2026	

(Danh sách có 60 đồng chí)